TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2026
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thành Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Minh

2. Ông Duyên Văn Hiền

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Cẩm Hường, là Thư ký viên, Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Phương T, sinh năm 1983, đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Số CCCD 096183015562, cấp ngày 23/12/2021.

Cư trú tại: Ấp Đ, xã T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1983, có mặt.

Số CCCD 096083010774, cấp ngày 04/02/2022.

Nơi thường trú: Ấp F, xã S, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Phương T trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và anh H xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn yêu cầu ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 03/3/2023, giới tính: Nam, hiện cháu do nguyên đơn nuôi dưỡng. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T1 cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Không có yêu cầu Toà án giải quyết.

Nay nguyên đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Minh H: Từ khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Phương T đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh H có mặt trình bày:

Về hôn nhân: Bị đơn và chị T xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định. Nay, chị T yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, bị đơn đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 03/3/2023, giới tính: Nam, hiện cháu do chị T nuôi dưỡng.

Tại phiên toà bị đơn đồng ý giao cháu T1 cho chị T nuôi dưỡng, nếu thời gian sau chị T không đủ điều kiện nuôi cháu T1, bị đơn khởi kiện chị T để thay đổi quyền nuôi dưỡng cháu T1 theo quy định.

Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Không có yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Phương T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2026/QĐXXST-DS ngày 24/3/2026, vụ án được Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau xét xử lúc 07 giờ 30 phút ngày 09/4/2026, anh Nguyễn Minh H đã nhận được Quyết định. Sau đó anh Nguyễn Minh H đến Toà án để yêu cầu xét xử lúc 13 giờ 30 phút ngày 31/3/2026, do bận công việc đi làm ăn xa và không thể tham gia phiên toà lúc 07 giờ 30 phút ngày 09/4/2026. Do đó, Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau tiến hành xét xử vụ án tranh chấp ly hôn giữa chị Nguyễn Phương T với anh Nguyễn Minh L 13 giờ 30 phút ngày 31/3/2026 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 15 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 06/02/2023 cấp cho chị Nguyễn Phương T và anh Nguyễn Minh H. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa các đương sự được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị T xác định, giữa chị và anh H đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn anh H.

Tại phiên toà, anh H đồng ý ly hôn chị T.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau. Mặt khác, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: "Điều 4. Ly hôn theo yêu cầu của một bên quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. 3. "Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng;".

Xét, hôn nhân giữa các đương sự đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn anh H, là phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Giữa chị T và anh H có 01 người con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 03/3/2023, giới tính: Nam, hiện cháu do chị T nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi dưỡng cháu T1 đến tuổi trưởng thành.

Tại phiên toà, anh H đồng ý giao cháu T1 cho chị T nuôi dưỡng.

Xét vì lợi ích của con chung, đảm bảo ổn định trong cuộc sống, cần giao cháu T1 cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Các đương sự không có yêu cầu, không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 55, 56, 57, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Phương T được ly hôn anh Nguyễn Minh H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 03/3/2023, giới tính: Nam, cho chị Nguyễn Phương T được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 (mười tám) tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Phương T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, đối trừ số tiền 300.000 đồng mà đương sự dự nộp tại Biên lai thu 0002523 ngày 09/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lâm Thành Q